

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21-12-2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hoàng An.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm.

Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thiện Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 868/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02/12/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ P, sinh năm 1980; địa chỉ thường trú: Ấp A, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1981; địa chỉ thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ tạm trú: Ấp A, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong Đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2020 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ P trình bày:***

Bà P và ông H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương vào năm 2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 42, quyển số 01/2014 ngày 07/7/2014. Hôn nhân giữa hai người là tự nguyện. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông H không tin tưởng bà P, thường xuyên ghen tuông vô cớ. Vì vậy, vợ chồng thường cãi nhau, trong lúc cãi

nhau, ông H nhiều lần đánh bà P. Bà P đã chịu đựng và khuyên ông H nhưng ông vẫn không thay đổi. Do không thể chung sống được nữa, bà P đã dọn ra ngoài sống riêng, vợ chồng sống ly thân được 03 tháng nay. Hiện tại không ai quan tâm chăm sóc nhau. Do đó, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hữu H.

Về con chung: Bà Trần Thị Mỹ P và ông Nguyễn Hữu H có 01 con chung tên Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 22/12/2014. Quá trình vợ chồng không sống cùng nhau, con chung do bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay, bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Hữu H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn ông Nguyễn Hữu H*: Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên hòa giải đoàn tụ, tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, ông H không chấp hành theo giấy triệu tập, vắng mặt không có lý do. Ông H không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà P và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

* *Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa*:

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và yêu cầu nuôi con với bị đơn nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có đăng ký tạm trú và hiện đang sinh sống tại địa chỉ: Ấp A, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[3] Về việc xét xử vắng mặt:

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt. Việc vắng mặt của bị đơn không vì lý do bất khả kháng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ P và bị đơn ông Nguyễn Hữu H trên cơ sở tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương vào năm 2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 42, quyển số 01/2014 ngày 07/7/2014. Như vậy, hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng, nguyên đơn xác định giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, không thể hàn gắn được. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát nhau. Hai vợ chồng không ai quan tâm chăm sóc cho ai, mỗi người có cuộc sống riêng. Hiện tại, nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông H không tham gia và cũng không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó, xem như bị đơn từ bỏ quyền chứng minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại phiên tòa.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không còn hạnh phúc. Nguyên đơn xác định vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau, nguyên đơn xác định không còn tình cảm với bị đơn. Bị đơn không tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến. Cho thấy bị đơn không có thiện chí hoà giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên: Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 22/12/2014. Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Xét cháu Đ còn nhỏ cần được sự trông nom, chăm sóc của người mẹ. Hiện tại, nguyên đơn xác định cháu Đ đang sống cùng nguyên đơn, cuộc sống ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên: Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 22/12/2014 cho nguyên đơn được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Toà án ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở bị đơn thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp

nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ P không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ P về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Nguyễn Hữu H.

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ P được ly hôn với ông Nguyễn Hữu H.

- Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 22/12/2014 cho bà Trần Thị Mỹ P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Nguyễn Hữu H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Hữu H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông H thực hiện các quyền, nghĩa vụ này.

Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Mỹ P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0048200 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Hoàng An